

**BẢNG TỔNG HỢP
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA CƠ SỞ GIÁO
DỤC PHỔ THÔNG VÀ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
1.	Chuyển đổi số trong dạy, học	91			
1.1.	Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm)				Kế hoạch số 12/KH-THPTBĐ ngày 10/9/2022
1.2.	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến				Quyết định số 23/QĐ-THPTBĐ ngày 20/9/2022
1.3.	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến: - Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp Google Meet/MS Team/Zoom	30	6 điểm	Mức 3	
	- Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Onluyen.vn (6 triệu/1 năm); Enetviet (135.000đ/1HS/1 năm); Azota (Miễn phí) - Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng: (1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học; (2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh; (3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá		24 điểm		

	thường xuyên; (4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.				
1.4.	Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt).	8	8 điểm	Mức 3	https://drive.google.com/drive/folders/1KL1gsxUVzc7DiDrO6be3pfBY3zrI2_B_?usp=sharing
1.5.	Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính; có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: LANTEST)	20	10 điểm	Mức 3	Đã cài đặt, chạy thí điểm KTTX cho môn Tin học
	Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường		10 điểm		
1.6.	Phát triển nguồn nhân lực chuyên đổi số: - Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu	20	7 điểm	Mức 3	
	- Tỷ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học		7 điểm		
	- Tỷ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử		6 điểm		
1.7.	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyên đổi số dạy, học: - Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học	13	8 điểm	Mức 2	
	- Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học[1]		5 điểm		
	- Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)		0		

2.	Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	48			
2.1.	Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Đỗ Chí Cường; ĐT: 0986963984-Email: dochicuong@gmail.com				https://thptbachdang.haiphong.edu.vn/quyet-dinh/vb/16442
2.2.	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số				https://thptbachdang.haiphong.edu.vn/quyet-dinh/vb/16442
2.3.	Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường: CSDL ngành (Sở cấp)	40	6 điểm	Mức 2	https://thptbachdang.haiphong.edu.vn/quan-ly-giao-duc/c/16508
	- Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường				
	- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)		6 điểm		
	- Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử				
	- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV		6 điểm		
	- Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất				
	- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh		10 điểm		
	- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán		6 điểm		
- Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý)	6 điểm				
2.4.	Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến:	8	8 điểm	Mức 1	Enetviet
	- Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua ứng dụng web				
	- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh		0		

đầu cấp trực tuyến:			
- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt		0	

Nơi nhận:

- Sở GD &ĐT (Vp Sở)
- Ban giám hiệu;
- Thành viên BCD CDS;
- TTCM-NV;
- Lưu: VT, VP.



HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Thị Thúy Vinh